TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BIÊN HÒA** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **1440**/2019/QĐST-VHNGĐ	*Biên Hòa, ngày 04 tháng 9 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ khoản 2 Điều 149, Điều 212, Điều 213, khoản 2 Điều 396 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 6, 8 và 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 1986;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 59, 81, 82, 83, 84 và 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số 1903/2019/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 8 năm 2019 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Những người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân và gia đình:

Bà **Đỗ Thị Q**, sinh năm 1967

Địa chỉ: 17B, Kp.02, P.Tân Hiệp, Tp.Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Ông **Nguyễn Đăng K**, sinh năm 1963

Địa chỉ: 17B, Kp.02, P.Tân Hiệp, Tp.Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Đăng K và bà Đỗ Thị Q tự nguyện kết hôn, có làm thủ tục đăng ký kết hôn và đã được UBND xã Xuân Trường, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 95 quyển số 01/1989 vào ngày 04/11/1989. Căn cứ các điều 6, 8, 9 Luật Hôn nhân gia đình năm 1986, xác định là hôn nhân hợp pháp. Nay, ông K và bà Q xác định vợ chồng có mâu thuẫn, không còn tình cảm với nhau nên yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Đăng Duy, sinh ngày 07/7/1990 và Nguyễn Đăng Khánh, sinh ngày 20/7/1993. Cả hai đã trên 18 tuổi và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Các đương sự khai là không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí Tòa án: ông K, bà Q mỗi người chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi ngàn đồng) tiền lệ phí hôn nhân và gia đình, được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng lệ phí số 0000308 ngày 27 tháng 8 năm 2019 của

Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa. Ông K, bà Q đã nộp đủ tiền lệ phí theo quy định.

[6] Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 27 tháng 8 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Đăng K, sinh năm 1963 và bà Đỗ Thị Quyên, sinh năm 1967 thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Đăng Duy, sinh ngày 07/7/1990 và Nguyễn Đăng Khánh, sinh ngày 20/7/1993. Cả hai đã trên 18 tuổi và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Các đương sự khai không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: ông K, bà Q mỗi người chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi ngàn đồng) tiền lệ phí hôn nhân và gia đình, được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng lệ phí số 0000308 ngày 27 tháng 8 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa. Ông K, bà Q đã nộp đủ tiền lệ phí theo quy định.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND Tp. Biên Hòa;
- Chi cục THADS Tp.Biên Hòa;
- UBND xã Xuân Trường;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

Đỗ Minh Nhựt